TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2020
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng;

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Diệu H, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp T1, xã P, huyện V, tỉnh K; địa chỉ liên lạc: đường B, ấp P, xã C, huyện A, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp N, xã M, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Phan Thị Diệu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H1 tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 170 ngày 13/9/2011. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng có người phụ nữ khác bên ngoài nên không quan tâm gia đình, từ đó vợ chồng thường cãi

nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống đến nay. Từ khi không còn chung sống, vợ chồng không tới lui thăm nhau, không hàn gắn tình cảm. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06/10/2011 (hiện do chị chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H1 vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đ diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: chị Phan Thị Diệu H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chợ Mới ngày 13/9/2011, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nH1, bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H1 có người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường cãi nhau và ly thân đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, chị H yêu cầu ly hôn với anh H1. Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý và tống đạt các văn bản tố tụng phía anh H1 biết việc chị H yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phục vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H1. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06/10/2011, hiện cháu Đ đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thời gian vợ chồng ly thân cho đến nay, cháu Đ sống với chị H vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặc khác, cháu Đ có nguyện vọng sống với chị H. Để ổn định cuộc cho cháu Đ, nên để chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến. Về nợ chung: không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Chấp nH1 yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Diệu H đối với anh Nguyễn Văn H1.

- Chị Phan Thị Diệu H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06/10/2011, anh Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

NH1 ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phan Thị Diệu H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H1, anh H1 có nơi cư trú ấp N, xã M, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 là có căn cứ.

[3] Chị Phan Thị Diệu H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H1. Chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị H trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng không quan tâm gia đình và có người phụ nữ khác bên ngoài nên mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn và không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh H1. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị H yêu cầu ly hôn và triệu tập anh H1 tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh H1 vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh H1 không quan tâm đến gia đình nên thường cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ tháng 3/2019 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị H xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06/10/2011 (hiện do chị chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu Đ do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết anh H cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị H. Bên cạnh đó, cháu Đ cũng có nguyện vọng

được sống cùng mẹ. Do đó, để chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của cháu.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Diệu H đối với anh Nguyễn Văn H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Diệu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 170, ngày 13 tháng 9 năm 2011 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho chị Phan Thị Diệu H và anh Nguyễn Văn H1 không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị Diệu H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 06/10/2011 (hiện do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị Diệu H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Phan Thị Diệu H xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị Phan Thị Diệu H và anh Nguyễn Văn H1 phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Chị Phan Thị Diệu H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0007962 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 04/02/2020. Chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nH1:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư